

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1****Môn: Toán - Lớp 4****Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Số và phép tính**

- Đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu)
- Hàng và lớp. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn
- Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số
- Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng

**2. Đo lường**

- Yến, tạ, tấn
- Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông
- Giây, thế kỉ

**3. Hình học**

- Góc nhọn, góc tù, góc bẹt
- Hai đường thẳng vuông góc và hai đường thẳng song song
- Hình bình hành, hình thoi

**4. Bài toán có lời văn:**

- Giải bài toán có ba bước tính
- Giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng

**B. BÀI TẬP****I. Trắc nghiệm****Câu 1.** Số ba trăm hai mươi một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn viết là:

- A.** 321 523      **B.** 321 523 000      **C.** 321 5 230      **D.** 523 321 000

**Câu 2.** Số gồm có 5 triệu, 7 chục nghìn, 6 trăm được viết là:

- A.** 5 700 600      **B.** 5 070 600      **C.** 5 007 600      **D.** 5 070 060

**Câu 3.** Giá trị của chữ số 8 trong số 123 846 579 là:

- A.** 8 000      **B.** 80 000      **C.** 800 000      **D.** 8 000 000

**Câu 4.** Số gồm 8 trăm nghìn, 6 trăm, 5 chục và 4 đơn vị là:

- A.** 865 044      **B.** 806 504      **C.** 800 645      **D.** 800 654

**Câu 5.** Làm tròn số 78 351 829 đến hàng trăm nghìn được số:

- A.** 78 350 000      **B.** 78 300 000      **C.** 78 200 000      **D.** 78 400 000

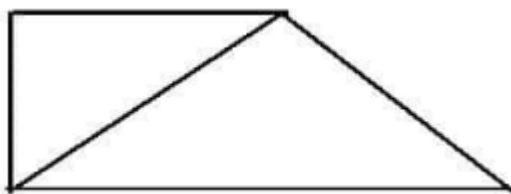


**Câu 21.** Hình vẽ bên có:



- A. Hai đường thẳng song song. Hai góc vuông
- B. Hai đường thẳng song song. Ba góc vuông
- C. Ba đường thẳng song song. Hai góc vuông
- B. Ba đường thẳng song song. Ba góc vuông

**Câu 22.** Hình bên có:



- A. 4 góc nhọn, 2 góc tù và 2 góc vuông
- B. 4 góc nhọn, 2 góc tù và 1 góc vuông
- C. 4 góc nhọn, 1 góc tù và 2 góc vuông
- D. 3 góc nhọn, 2 góc tù và 3 góc vuông

**Câu 23.** Cô Mai có 1 sào ruộng trồng ngô hình chữ nhật (1 sào =  $360\text{m}^2$ ). Chiều rộng ruộng ngô là 9 m. Cô muốn dùng lưới quây quanh ruộng để ngăn chuột phá hoại. Vậy số mét lưới vừa đủ để cô Mai dùng là:

- A. 88 m
- B. 80 m
- C. 58 m
- D. 98 m

**Câu 24.** Xe thứ nhất chở được 1 tấn 5 tạ gạo, xe thứ hai chở được nhiều hơn xe thứ nhất 3 tấn 80 kg gạo, xe thứ ba chở được ít hơn xe thứ hai 2 tấn 25 yến gạo. Vậy khối lượng cả ba xe chở được là:

- A. 6 630 kg
- B. 7 830 kg
- C. 8 410 kg
- D. 7 310 kg

**Câu 25.** Một người sơn mặt trước và mặt sau của một bức tường hình chữ nhật có chiều dài 4 m, chiều cao 2 m. Người thợ đó mất 2 phút 30 giây để sơn xong  $1\text{m}^2$ . Vậy người thợ đó sẽ sơn xong bức tường trong thời gian là:

- A. 20 phút
- B. 30 phút
- C. 40 phút
- D. 50 phút

**Câu 26.** Tổng của hai số là 456. Số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm số bé?

- A. 240
- B. 216
- C. 256
- D. 267

**Câu 27.** Mẹ sinh Hà năm 25 tuổi. Hiện tại, tổng số tuổi của mẹ và Hà là 45 tuổi. Vậy hiện tại, số tuổi của Hà là:

- A. 9 tuổi
- B. 8 tuổi
- C. 12 tuổi
- D. 10 tuổi

**Câu 28.** Hai xe chở tất cả 3 tấn 6 tạ gạo. Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 9 tạ gạo. Vậy khối lượng gạo xe thứ nhất chở là:

- A. 2 350 kg      B. 1 350 kg      C. 2 500 kg      D. 2 250 kg

**Câu 29.** Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 24 m. Chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là:

- A. 144 m<sup>2</sup>      B. 135 m<sup>2</sup>      C. 120 m<sup>2</sup>      D. 90 m<sup>2</sup>

**Câu 30.** Trường tiểu học Kim Đồng có 524 học sinh. Số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 136 em. Hỏi trường tiểu học Kim Đồng có bao nhiêu học sinh nam?

- A. 194 học sinh      B. 330 học sinh      C. 198 học sinh      D. 327 học sinh

**II. Tự luận**

**Câu 1.** Đọc số và cho biết chữ số được gạch chân thuộc hàng nào, lớp nào:

| Số                  | Đọc số | Hàng  | Lớp   |
|---------------------|--------|-------|-------|
| 65 00 <u>0</u> 129  | .....  | ..... | ..... |
| 987 <u>1</u> 04 558 | .....  | ..... | ..... |
| <u>4</u> 43 029 771 | .....  | ..... | ..... |
| <u>6</u> 037 895    | .....  | ..... | ..... |

**Câu 2.** Đặt tính rồi tính.

378 265 + 530 827      920 836 – 618 350      68 127 : 3      6 209 x 8

**Câu 3.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- 3 phút = ..... giây      5 giờ = ..... phút  
 900 năm = ..... thế kỉ      7 phút 15 giây = ..... giây  
 9 phút 8 giây = ..... giây      3 giờ 17 phút = ..... phút

**Câu 4.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- 12 dm<sup>2</sup> = ..... cm<sup>2</sup>      7 m<sup>2</sup> = ..... cm<sup>2</sup>  
 34 m<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup>      6 m<sup>2</sup> 1 dm<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup>  
 8 dm<sup>2</sup> 44 cm<sup>2</sup> = ..... cm<sup>2</sup>      6300 dm<sup>2</sup> = ..... m<sup>2</sup>  
 9 cm<sup>2</sup> 15 mm<sup>2</sup> = ..... mm<sup>2</sup>      4 m<sup>2</sup> 51 cm<sup>2</sup> = ..... cm<sup>2</sup>

**Câu 5.** Đổi đơn vị rồi điền dấu <; >; = vào chỗ chấm:

138 cm<sup>2</sup> ..... 13 dm<sup>2</sup> 8 cm<sup>2</sup>      1 954 dm<sup>2</sup> ..... 20 m<sup>2</sup>

$6\text{dm}^2\ 3\text{cm}^2 \dots\dots 603\ \text{cm}^2$

$12\ \text{m}^2 \dots\dots 119\ 000\ \text{cm}^2$

**Câu 6.** Tính bằng cách thuận tiện.

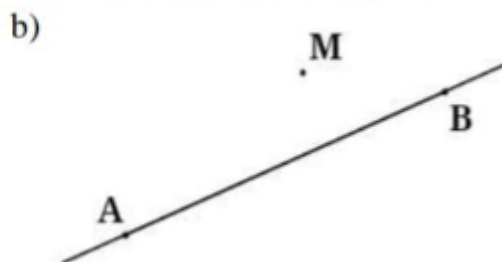
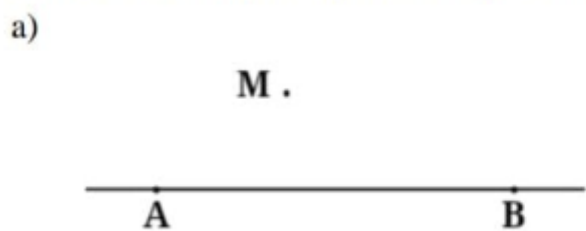
a)  $2\ 023 + 13\ 258 - 23 + 742$

b)  $3855 + (2\ 683 + 1\ 145) + 2\ 317$

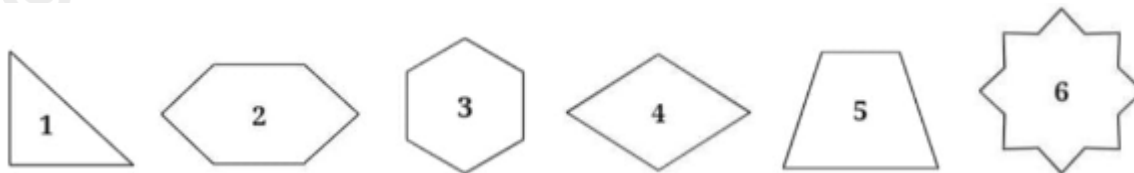
c)  $32\ 684 + 41\ 325 + 316 + 675$

d)  $65\ 318 - 7\ 295 + 47\ 295 - 5\ 318$

**Câu 7.** Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm M và song song với đường thẳng AB.



**Câu 8.** Cho các hình vẽ sau:

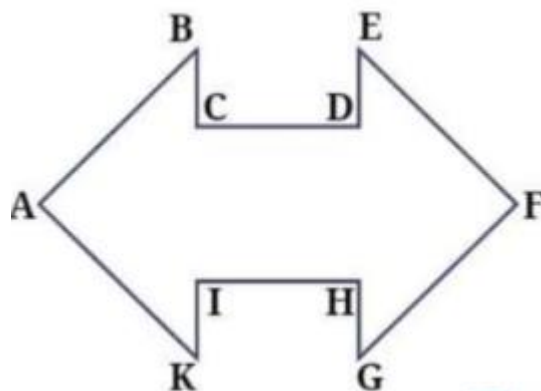


a) Những hình nào có cặp cạnh song song với nhau.

b) Những hình nào có cặp cạnh vuông góc với nhau.

c) Những hình nào vừa có cặp cạnh song song với nhau, vừa có cặp cạnh vuông góc với nhau.

**Câu 9.** Cho hình sau:



a) Có bao nhiêu góc nhọn?

b) Có bao nhiêu góc vuông? Nêu tên các góc vuông đó? (Mẫu: Góc vuông đỉnh C)

d) Có bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau? Nêu tên các cặp cạnh đó.

**Câu 10.** Một trang trại chăn nuôi có 560 con gà trống và gà mái. Số gà mái nhiều hơn số gà trống là 340 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà mỗi loại?



**Câu 11.** Hai thùng chứa 450 lít dầu. Nếu lấy 25 lít dầu ở thùng thứ nhất đổ vào thùng thứ hai thì số dầu chứa trong hai thùng bằng nhau. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu lít dầu?

**Câu 12.** Cả hai lớp 4A và 4B trồng được 568 cây. Biết rằng lớp 4B trồng được ít hơn lớp 4A 36 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây.

**Câu 13.** Tổng số tuổi của ba bố con bằng 55 tuổi. Tuổi bố nhiều hơn tổng số tuổi của hai anh em là 25 tuổi. Tính tuổi của em, biết anh hơn em 5 tuổi.

**Câu 14.** Bác An có 3 sào đất, mỗi sào có diện tích  $360 \text{ m}^2$ . Trên mảnh đất đó, bác đào ao thả cá và trồng rau. Diện tích trồng rau nhỏ hơn diện tích ao là  $280 \text{ m}^2$ . Cứ  $1 \text{ m}^2$  bác An thu hoạch được 3 kg rau. Hỏi bác An thu hoạch được bao nhiêu yến rau từ mảnh đất đó?

**Câu 15.** Hai xe chở tất cả 56 780 kg gạo. Biết nếu xe thứ nhất chuyển cho xe thứ hai 120 kg gạo thì hai xe chở số gạo bằng nhau. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

**Câu 16.** Một căn phòng dạng hình chữ nhật có chiều dài 18 m và chiều rộng 6 m. Bác Minh dự định lát sàn căn phòng đó bằng những viên gạch hình vuông cạnh 3 dm. Hỏi bác Minh cần chuẩn bị bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó.

## C. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

### 1. Trắc nghiệm

|      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1 B  | 2 B  | 3 C  | 4 D  | 5 D  | 6 D  | 7 B  | 8 A  | 9 C  | 10 C |
| 11 C | 12 A | 13 D | 14 A | 15 A | 16 C | 17 C | 18 B | 19 C | 20 B |
| 21 B | 22 C | 23 D | 24 C | 25 A | 26 B | 27 D | 28 D | 29 B | 30 A |

### 2. Tự luận

**Câu 1.** Đọc số và cho biết chữ số được gạch chân thuộc hàng nào, lớp nào:

| Số                  | Đọc số         | Hàng  | Lớp   |
|---------------------|----------------|-------|-------|
| 65 00 <u>0</u> 129  | .....<br>..... | ..... | ..... |
| 987 <u>1</u> 04 558 | .....<br>..... | ..... | ..... |
| <u>4</u> 43 029 771 | .....<br>..... | ..... | ..... |
| <u>6</u> 037 895    | .....<br>..... | ..... | ..... |

### Phương pháp

- Đọc số: Dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số theo từng lớp, lần lượt từ lớp triệu, lớp nghìn đến lớp đơn vị.
- Hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu hợp lại thành lớp triệu
- Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn hợp thành lớp nghìn.
- Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm hợp thành lớp đơn vị.

**Lời giải**

| Số          | Đọc số  | Hàng                   | Lớp               |
|-------------|---|------------------------|-------------------|
| 65 000 129  | Sáu mươi lăm triệu không nghìn một trăm hai mươi chín                           | ..... nghìn .....      | ..... nghìn ..... |
| 987 104 558 | chín trăm tám mươi bảy triệu một trăm linh tư nghìn năm trăm năm mươi tám       | ..... trăm nghìn ..... | ..... nghìn ..... |
| 443 029 771 | bốn trăm bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi một | ..... trăm triệu ..... | ..... triệu ..... |
| 6 037 895   | sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi lăm                   | ..... triệu .....      | ..... triệu ..... |

**Câu 2.** Đặt tính rồi tính.

378 265 + 530 827                  920 836 – 618 350                  68 127 : 3                  6 209 x 8

**Phương pháp**

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ, phép nhân: Thực hiện từ phải sang trái
- Với phép chia: Chia từ trái sang phải

**Lời giải**

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
| $\begin{array}{r} 378265 \\ + 530827 \\ \hline 909092 \end{array}$ | $\begin{array}{r} 920836 \\ - 618350 \\ \hline 302486 \end{array}$ | $\begin{array}{r} 68127 \\ 08 \overline{) 22709} \\ \underline{21} \\ 02 \\ 27 \\ 0 \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6209 \\ \times 8 \\ \hline 49672 \end{array}$ |
|--|--|--|---|

**Câu 3.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- 3 phút = ..... giây                  5 giờ = ..... phút  
 900 năm = ..... thế kỉ              7 phút 15 giây = ..... giây  
 9 phút 8 giây = ..... giây              3 giờ 17 phút = ..... phút

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ phút} = 60 \text{ giây}; 1 \text{ giờ} = 60 \text{ phút}$$

$$1 \text{ thế kỉ} = 100 \text{ năm}$$

**Lời giải**

$$3 \text{ phút} = \mathbf{180} \text{ giây}$$

$$5 \text{ giờ} = \mathbf{300} \text{ phút}$$

$$900 \text{ năm} = \mathbf{9} \text{ thế kỉ}$$

$$7 \text{ phút } 15 \text{ giây} = \mathbf{435} \text{ giây}$$

$$9 \text{ phút } 8 \text{ giây} = \mathbf{548} \text{ giây}$$

$$3 \text{ giờ } 17 \text{ phút} = \mathbf{197} \text{ phút}$$

**Câu 4.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$12 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$$

$$7 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$34 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$6 \text{ m}^2 \text{ } 1 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$8 \text{ dm}^2 \text{ } 44 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$6300 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$9 \text{ cm}^2 \text{ } 15 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$4 \text{ m}^2 \text{ } 51 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$$

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2; 1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$$

$$1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2; 1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$$

**Lời giải**

$$12 \text{ dm}^2 = \mathbf{1\,200} \text{ cm}^2$$

$$7 \text{ m}^2 = \mathbf{70\,000} \text{ cm}^2$$

$$34 \text{ m}^2 = \mathbf{3\,400} \text{ dm}^2$$

$$6 \text{ m}^2 \text{ } 1 \text{ dm}^2 = \mathbf{601} \text{ dm}^2$$

$$8 \text{ dm}^2 \text{ } 44 \text{ cm}^2 = \mathbf{844} \text{ cm}^2$$

$$6300 \text{ dm}^2 = \mathbf{63} \text{ m}^2$$

$$9 \text{ cm}^2 \text{ } 15 \text{ mm}^2 = \mathbf{915} \text{ mm}^2$$

$$4 \text{ m}^2 \text{ } 51 \text{ cm}^2 = \mathbf{40\,051} \text{ cm}^2$$

**Câu 5.** Đổi đơn vị rồi điền dấu <; >; = vào chỗ chấm:

$$138 \text{ cm}^2 \dots\dots 13 \text{ dm}^2 \text{ } 8 \text{ cm}^2$$

$$1\,954 \text{ dm}^2 \dots\dots\dots 20 \text{ m}^2$$

$$6 \text{ dm}^2 \text{ } 3 \text{ cm}^2 \dots\dots\dots 603 \text{ cm}^2$$

$$12 \text{ m}^2 \dots\dots\dots 119\,000 \text{ cm}^2$$

**Phương pháp**

Chuyển hai vế về cùng một đơn vị đo rồi so sánh.

**Lời giải**

$$138 \text{ cm}^2 < 13 \text{ dm}^2 \text{ } 8 \text{ cm}^2$$

$$1\,954 \text{ dm}^2 < 20 \text{ m}^2$$

$$6 \text{ dm}^2 \text{ } 3 \text{ cm}^2 = 603 \text{ cm}^2$$

$$12 \text{ m}^2 > 119\,000 \text{ cm}^2$$

**Câu 6.** Tính bằng cách thuận tiện.

a)  $2\,023 + 13\,258 - 23 + 742$

b)  $3855 + (2\,683 + 1\,145) + 2\,317$



$$c) 32\ 684 + 41\ 325 + 316 + 675$$

$$d) 65\ 318 - 7\ 295 + 47\ 295 - 5\ 318$$

### Phương pháp

Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp để nhóm các số có tổng hoặc hiệu là số tròn trăm, tròn nghìn với nhau.

### Lời giải

$$a) 2\ 023 + 13\ 258 - 23 + 742$$

$$= (2\ 023 - 23) + (13\ 258 + 742)$$

$$= 2\ 000 + 14\ 000$$

$$= 16\ 000$$

$$b) 3\ 855 + (2\ 683 + 1\ 145) + 2\ 317$$

$$= (3\ 855 + 1\ 145) + (2\ 683 + 2\ 317)$$

$$= 5\ 000 + 5\ 000$$

$$= 10\ 000$$

$$c) 32\ 684 + 41\ 325 + 316 + 675$$

$$= (32\ 684 + 316) + (41\ 325 + 675)$$

$$= 33\ 000 + 42\ 000$$

$$= 75\ 000$$

$$d) 65\ 318 - 7\ 295 + 47\ 295 - 5\ 318$$

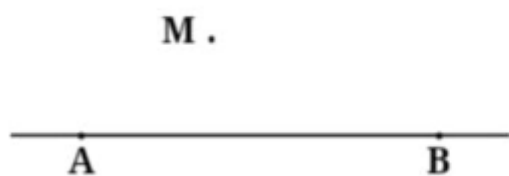
$$= (65\ 318 - 5\ 318) + (47\ 295 - 7\ 295)$$

$$= 60\ 000 + 40\ 000$$

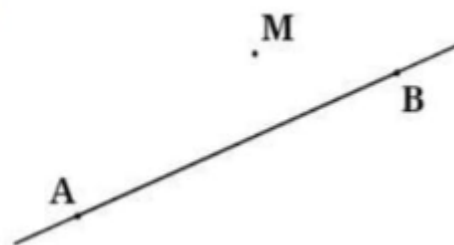
$$= 100\ 000$$

**Câu 7.** Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm M và song song với đường thẳng AB.

a)



b)

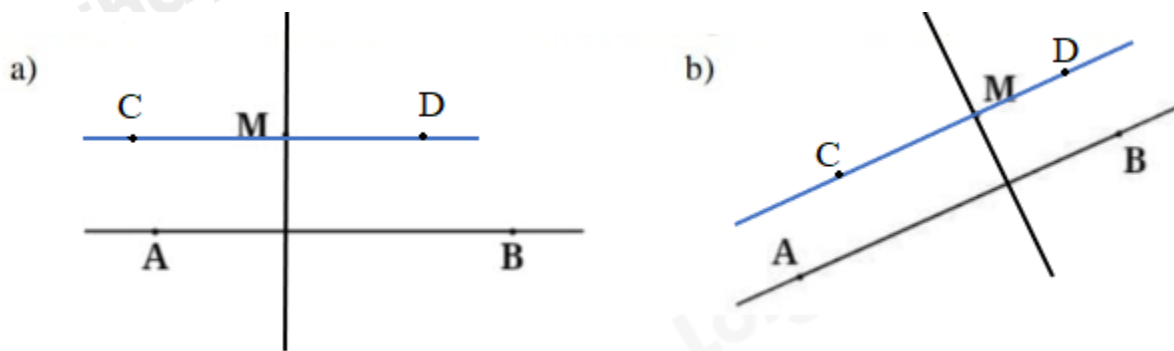


### Phương pháp

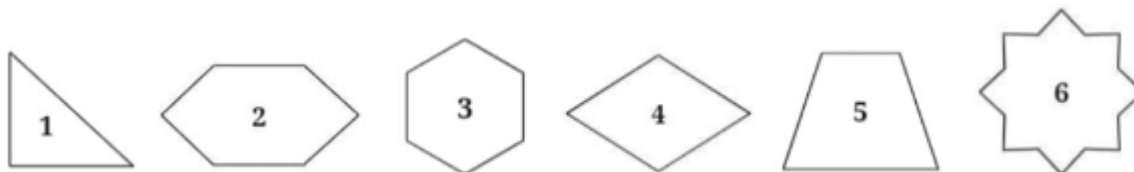
- Vẽ một đường thẳng đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng AB

- Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng vừa vẽ, ta được đường thẳng CD đi qua điểm M và song song với đường thẳng AB.

**Lời giải**



**Câu 8.** Cho các hình vẽ sau:



- a) Những hình nào có cặp cạnh song song với nhau.
- b) Những hình nào có cặp cạnh vuông góc với nhau.
- c) Những hình nào vừa có cặp cạnh song song với nhau, vừa có cặp cạnh vuông góc với nhau.

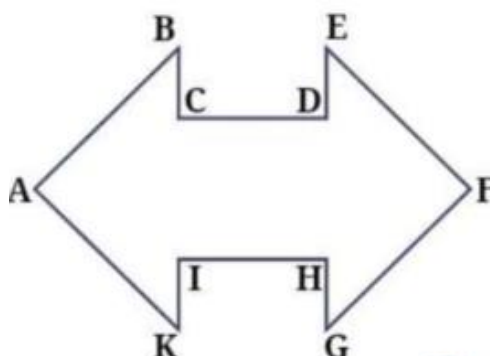
**Phương pháp**

Hai đường thẳng song song thì không có điểm chung  
Sử dụng ê kê để kiểm tra các cặp cạnh vuông góc với nhau

**Lời giải**

- a) Những hình có cặp cạnh song song với nhau là: hình 2, 3, 4, 5, 6
- b) Những hình có cặp cạnh vuông góc với nhau là: hình 1, 6
- c) Những hình vừa có cặp cạnh song song với nhau, vừa có cặp cạnh vuông góc với nhau là: hình 6.

**Câu 9.** Cho hình sau:



- a) Có bao nhiêu góc nhọn?
- b) Có bao nhiêu góc vuông? Nêu tên các góc vuông đó? (Mẫu: Góc vuông đỉnh C)
- c) Có bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau? Nêu tên các cặp cạnh đó.

**Phương pháp**

Góc nhọn bé hơn góc vuông

Hai đường thẳng song song thì không có điểm chung

Sử dụng ê kê để kiểm tra các cặp cạnh vuông góc với nhau

### Lời giải

a) Có **4** góc nhọn.

b) Có **6** góc vuông là: Góc vuông đỉnh C, góc vuông đỉnh D, góc vuông đỉnh I, góc vuông đỉnh H, góc vuông đỉnh A, góc vuông đỉnh F.

c) Có **5** cặp cạnh song song với nhau là: AB và GF, AK và EF, CD và IH, BC và ED, IK và HG

**Câu 10.** Một trang trại chăn nuôi có 560 con gà trống và gà mái. Số gà mái nhiều hơn số gà trống là 340 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà mỗi loại?

### Phương pháp

Số gà mái = (tổng + hiệu) : 2

Số gà trống = tổng – số gà mái

### Lời giải

Số gà mái là:

$$(560 + 340) : 2 = 450 \text{ (con)}$$

Số gà trống là:

$$560 - 450 = 110 \text{ (con)}$$

Đáp số: Gà mái: 450 con, gà trống: 110 con

**Câu 11.** Hai thùng chứa 450 lít dầu. Nếu lấy 25 lít dầu ở thùng thứ nhất đổ vào thùng thứ hai thì số dầu chứa trong hai thùng bằng nhau. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu lít dầu?

### Phương pháp

- Tìm hiệu số lít dầu ở hai thùng

- Số lít dầu ở thùng thứ nhất = (tổng + hiệu) : 2

- Số lít dầu ở thùng thứ hai = Tổng - Số dầu ở thùng thứ nhất

### Lời giải

Số lít dầu thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai là:

$$25 \times 2 = 50 \text{ (lít)}$$

Số lít dầu ở thùng thứ nhất là:

$$(450 + 50) : 2 = 250 \text{ (lít)}$$

Số lít dầu ở thùng thứ hai là:

$$450 - 250 = 200 \text{ (lít)}$$

Đáp số: Thùng thứ nhất: 250 lít; Thùng thứ hai: 200 lít

**Câu 12.** Cả hai lớp 4A và 4B trồng được 568 cây. Biết rằng lớp 4B trồng được ít hơn lớp 4A 36 cây.

Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây.

### Phương pháp

$$\text{Số cây lớp 4B} = (\text{tổng} - \text{hiệu}) : 2$$

$$\text{Số cây lớp 4A} = \text{Tổng} - \text{Số cây lớp 4B}$$

### Lời giải

Lớp 4B trồng được số cây là:

$$(568 - 36) : 2 = 266 \text{ (cây)}$$

Lớp 4A trồng được số cây là:

$$568 - 266 = 302 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 4A: 302 cây

4B: 266 cây

**Câu 13.** Tổng số tuổi của ba bố con bằng 55 tuổi. Tuổi bố nhiều hơn tổng số tuổi của hai anh em là 25 tuổi. Tính tuổi của em, biết anh hơn em 5 tuổi.

### Phương pháp

Áp dụng công thức:

$$\text{Số lớn} = (\text{tổng} + \text{hiệu}) : 2$$

$$\text{Số bé} = \text{Tổng} - \text{số lớn}$$

### Lời giải

Tuổi bố là:

$$(55 + 25) : 2 = 40 \text{ (tuổi)}$$

Tổng số tuổi của hai anh em là:

$$55 - 40 = 15 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của em là:

$$(15 - 5) : 2 = 5 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Em: 5 tuổi

**Câu 14.** Bác An có 3 sào đất, mỗi sào có diện tích 360 m<sup>2</sup>. Trên mảnh đất đó, bác đào ao thả cá và trồng rau. Diện tích trồng rau nhỏ hơn diện tích ao là 280 m<sup>2</sup>. Cứ 1 m<sup>2</sup> bác An thu hoạch được 3 kg rau. Hỏi bác An thu hoạch được bao nhiêu yến rau từ mảnh đất đó?

### Phương pháp

- Tìm diện tích mảnh đất của bác An
- Diện tích trồng rau = (tổng – hiệu) : 2
- Tìm số kg rau thu được

- Đổi sang đơn vị yến

**Lời giải**

Diện tích mảnh đất của bác An là:

$$360 \times 3 = 1\,080 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích trồng rau là:

$$(1\,080 - 280) : 2 = 400 \text{ (m}^2\text{)}$$

Số ki-lô-gam rau bác An thu hoạch được là:

$$3 \times 400 = 1\,200 \text{ (kg)} = 120 \text{ yến rau}$$

Đáp số: 120 yến rau

**Câu 15.** Hai xe chở tất cả 56 780 kg gạo. Biết nếu xe thứ nhất chuyển cho xe thứ hai 120 kg gạo thì hai xe chở số gạo bằng nhau. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

**Phương pháp**

- Tìm hiệu số gạo ở hai xe
- Số kg gạo ở xe thứ nhất = (tổng + hiệu) : 2
- Số kg gạo ở xe thứ hai = tổng - số kg gạo ở xe thứ nhất

**Lời giải**

Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai số ki-lô-gam gạo là:

$$120 \times 2 = 240 \text{ (kg)}$$

Xe thứ nhất chở số ki-lô-gam gạo là:

$$(56\,780 + 240) : 2 = 28\,510 \text{ (kg)}$$

Xe thứ hai chở số ki-lô-gam gạo là:

$$56\,780 - 28\,510 = 28\,270 \text{ (kg)}$$

Đáp số: Xe thứ nhất: 28 510 kg

Xe thứ hai: 28 270 kg

**Câu 16.** Một căn phòng dạng hình chữ nhật có chiều dài 18 m và chiều rộng 6 m. Bác Minh dự định lát sàn căn phòng đó bằng những viên gạch hình vuông cạnh 3 dm. Hỏi bác Minh cần chuẩn bị bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó.

**Phương pháp**

- Tìm diện tích căn phòng = Chiều dài x chiều rộng
- Đổi số đo diện tích sang đơn vị  $\text{dm}^2$
- Diện tích viên gạch = Cạnh x cạnh
- Số viên gạch cần chuẩn bị = Diện tích phòng : diện tích viên gạch



**Lời giải**

Diện tích căn phòng là:

$$18 \times 6 = 108 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi: } 108 \text{ m}^2 = 10\,800 \text{ dm}^2$$

Diện tích mỗi viên gạch là:

$$3 \times 3 = 9 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Bác Minh cần chuẩn bị số viên gạch để lát kín nền căn phòng là:

$$10\,800 : 9 = 1\,200 \text{ (viên gạch)}$$

Đáp số: 1 200 viên gạch